HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 62 /2016/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 18 tháng 7 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI
ĐẾN Số: 2823
Ngày: 27/7/2016
Chuyển: XDVB + tag đ
Lưu hồ sơ số:

NGHỊ QUYẾT

Về nội dung, mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc quy định nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLB-BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của liên bộ: Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của liên bộ: Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 của liên bộ: Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh về việc quy định nội dung, mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số:48/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Ban Văn hóa Xã hội, HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ hai - khóa XV,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung, mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020 cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về một số nội dung, mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm:

a) Các giải thi đấu thể thao được tổ chức theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Các đội tuyển được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Các lớp thể thao tập trung và năng khiếu thể thao bán tập trung tại Trung tâm Huấn luyện Thể dục Thể thao tỉnh Lào Cai (hoặc cơ sở đào tạo vận động viên thể thao công lập của tỉnh Lào Cai).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Vận động viên, huấn luyện viên thể thao của các đội tuyển tham gia luyện tập, huấn luyện và thi đấu các giải thể thao trong thời gian tập trung theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao được tổ chức theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Vận động viên, huấn luyện viên các lớp thể thao tập trung và lớp năng khiếu thể thao bán tập trung của Trung tâm Huấn luyện Thể dục thể thao tỉnh Lào Cai (hoặc cơ sở đào tạo vận động viên thể thao công lập của tỉnh Lào Cai);

d) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;

đ) Lực lượng công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

3. Nội dung chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao:

a) Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên tập trung tập luyện và thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Tiền thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao;

c) Chi thưởng đối với vận động viên thể thao được phong đăng cấp;

4. Mức chi đối với tổ chức các giải thi đấu thể thao:

a) Chi tiền ăn, bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài và giám sát điều hành, thư ký;

b) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu (nếu có);

c) Chi đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, phương tiện truyền thông, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;

d) Chi tổ chức lễ khai mạc, trang trí, tuyên tuyền, bế mạc, họp Ban tổ chức, tập huấn trọng tài, họp báo, chi cho màn đồng diễn, diễu hành;

đ) Chi in vé, giấy mời, biên bản, báo cáo kết quả thi đấu;

e) Chi tiền thưởng đối với vận động viên;

g) Chi làm huy chương, cờ, cúp;

h) Các khoản chi khác theo quy định có liên quan đến việc tổ chức giải.

5. Mức chi cụ thể:

a) Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao:

Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao (phụ lục số 1);

Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao (phụ lục số 2);

Các mức chi khác nhau đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao và các giải thi đấu thể thao không quy định trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Đối với các giải thi đấu giao hữu thể thao quốc tế, giao hữu thể thao với các tỉnh trong nước tùy theo quy mô của từng giải, chế độ hiện hành đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán kinh phí gửi cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành.

c) Riêng đối với nguồn kinh phí tài trợ: Mức chi có thể cao hơn mức quy định tại phụ lục số 1 và phụ lục số 2, nhưng phải có sự thống nhất của nhà tài trợ bằng văn bản.

d) Các khối, ngành, cơ quan, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai được vận dụng mức chi quy định tại mục 4 quy định này để quy định mức chi cụ thể (phù hợp với khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị) khi tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, tham gia các giải thi đấu thể thao do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

6. Nguồn kinh phí chi trả

a) Nguồn kinh phí chi trả:

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp;

Nguồn thu bán vé xem thi đấu;

Nguồn tài trợ, quảng cáo;

Nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ;

Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao chịu trách nhiệm nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức giải, gồm: Chi phí sân bãi, thông tin, tuyên truyền, trọng tài, tiền thưởng, làm huy chương, cờ, cúp; chi cho tổ chức màn đồng diễn, diễu hành; chi cho lực lượng công an, bảo vệ, y tế; chi hoạt động của ban tổ chức (chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ, chi tiền ăn, tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ theo chế độ quy định) trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn thu huy động được.

c) Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí cho việc đi lại, chế độ dinh dưỡng, tiền công, thuê chỗ nghỉ, bảo hiểm tai nạn, chăm sóc, khám, chữa bệnh, khắc phục tai nạn cho vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ trực thuộc đoàn thể thao.

Điều 2. HĐND tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016./.

***Nơi nhận*:**
- UBTV Quốc hội; Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban chỉ đạo Tây bắc;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo Lào Cai, Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Các chuyên viên;
- Lưu: VT TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Vịnh

PHỤ LỤC SỐ 1:

Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên

(Kèm theo Nghị quyết số: 62/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
1	**Chế độ dinh dưỡng cho VĐV, HLV trong thời gian tập trung tập luyện và tập trung thi đấu:**		Trong thời gian tập trung tập luyện, và thời gian thi đấu là những ngày có mặt thực tế tập trung tập luyện, tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, tối đa không quá 01 tháng (tính cả thứ bảy, chủ nhật)
a	Chế độ dinh dưỡng trong thời gian tập trung tập luyện:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	150/người/ngày.	
	- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh; đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện	120/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển trẻ cấp huyện	90/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện:	70/người/ngày	
b	Chế độ dinh dưỡng trong thời gian thi đấu:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	200/người/ngày	
	- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh; đội tuyển phong trào cấp tỉnh; đội tuyển cấp huyện	150/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh; đội tuyển trẻ cấp huyện	130/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp huyện:	80/người/ngày	
2	**Tiền đi lại và thuê chỗ ở cho vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập luyện và thi đấu:**	Thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành	
3	**Về chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao trong thời gian tập luyện và thi đấu**	Căn cứ vào tình hình thực tế, tính đặc thù của từng môn thi đấu và khả năng ngân sách của địa phương, xây dựng dự toán chi hàng năm trình UBND tỉnh quyết định	
4	**Chế độ chi đối với vận động viên, huấn luyện viên tại Trung tâm Huấn luyện Thể dục Thể thao tỉnh Lào Cai (các cơ sở đào tạo VĐV thể thao công lập của tỉnh Lào Cai)**		
a	Chế độ dinh d ưỡng đối với vận động viên:		
	- Tiền ăn để tổ chức nấu ăn tập trung hàng ngày cho vận động viên:		
	+ Lớp thể thao tập trung	90/người/ngày	

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
	+ Lớp năng khiếu thể thao bán tập trung	45/người/ngày	
	- Tiền ăn phát bằng tiền trực tiếp cho vận động viên:		
	+ VĐV lớp thể thao tập trung	30/người/ngày	
	+ VĐV lớp năng khiếu thể thao bán tập trung	20/người/ngày	
	- Về chế độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với VĐV	Căn cứ vào tình hình thực tế, tính đặc thù của từng môn thi đấu và khả năng ngân sách của địa phương, xây dựng dự toán chi hàng năm trình UBND tỉnh quyết định	
b	Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên:		
	- Huấn luyện viên trưởng	80/người/ngày	
	- Huấn luyện viên trợ giảng	50/người/ngày	
c	Đối với huấn luyện viên thuê ngoài không thuộc biên chế của Trung tâm Huấn luyện Thể dục Thể thao tỉnh Lào Cai:	Căn cứ nhu cầu thực tế của việc huấn luyện vận động viên đối với từng môn thể thao, từng giải thể thao, Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh quyết định mức và thời gian thuê cho phù hợp	
d	Tham gia tập trung, tập luyện và thi đấu	Khi vận động viên, huấn luyện viên thể thao thuộc Trung tâm Huấn luyện Thể dục Thể thao được cấp có thẩm quyền quyết định triệu tập để tập huấn và thi đấu ở các giải thi đấu thể dục thể thao thì hưởng mức chi chế độ dinh dưỡng theo quy định tại mục 1, 2, 3 của Phụ lục này (không được hưởng chế độ quy định tại điểm a, b mục 4 Phụ lục này)	
đ	Mức thưởng đối với VĐV thể thao của tỉnh Lào Cai được phong đẳng cấp:		

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
	- VĐV cấp Kiện tướng quốc tế	30,000	
	- VĐV cấp Kiện tướng quốc gia	20,000	
	- VĐV dự bị Kiện tướng quốc gia	10,000	
	- VĐV Cấp I quốc gia	5,000	
5	**Trả công bằng tiền theo ngày cho các vận động viên, huấn luyện viên thể thao là người Việt Nam trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu**		Đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu, nếu có mức lương thấp hơn mức tiền công quy định tại Mục này thì cơ quan đơn vị sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm chi trả phần chênh lệch để đảm bảo bằng các mức quy định tại Mục này
a	Huấn luyện viên:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	120/người/ngày	
	- Đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	90/người/ngày	
	- Đội tuyển phong trào cấp tỉnh	90/người/ngày	
	- Đội tuyển cấp huyện	70/người/ngày	
b	Vận động viên:		
	- Đội tuyển cấp tỉnh	80/người/ngày	
	- Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	40/người/ngày	
	- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	30/người/ngày	
	- Đội tuyển phong trào cấp tỉnh	30/người/ngày	
	- Đội tuyển cấp huyện	20/người/ngày	
6	**Chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bồi thường tai nạn lao động**	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2010/QĐ - TTg và Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL	

PHỤ LỤC 2

Mức chi đối với các giải thi đấu thể thao

(Kèm theo Nghị quyết số: 62/2016 /NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
1	**Tiền ăn, tiền tàu, xe đi về, thuê chỗ ở đối với trường hợp địa điểm tổ chức thi đấu cách cơ quan từ 10 km trở lên:**		
a	Tiền ăn:		
	- Đối với các giải vô địch cấp tỉnh; giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào cấp tỉnh	150/người/ngày	Tiền ăn cho các đối tượng: Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu (gồm cả thời gian tối đa 2 ngày trước thi đấu để làm công tác chuẩn bị, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu). Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tổ chức giải thi đấu thể thao sẽ
	- Giải thể thao cấp huyện	120/người/ngày	
b	Chi tiền tàu, xe đi về, thuê chỗ ở	Thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành	
2	**Chế độ bồi dưỡng cho các thành viên làm nhiệm vụ tại các giải thi đấu (tính theo ngày làm việc thực tế hoặc buổi thi đấu). Riêng đối với các môn Bóng đá 11 người, Bóng chuyền, Bóng ném, Bóng rổ tính theo trận đấu**		Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc, mà tính theo buổi thi đấu, hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày. Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình điều hành tổ
a	Đối với các giải vô địch cấp tỉnh; giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào cấp tỉnh:		
	- Các thành viên Ban chỉ đạo; Ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	40/người/buổi	

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
	- Thành viên các tiểu ban chuyên môn	30/người/buổi	
	- Giám sát, trọng tài chính	60/người/buổi hoặc trận đấu	
	- Thư ký, trọng tài khác	50/người/buổi hoặc trận đấu	
	- Công an, Ytế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	45/người/buổi	
b	Giải thể thao cấp huyện:		
	- Các thành viên Ban chỉ đạo; Ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	30/người/buổi	
	- Thành viên các tiểu ban chuyên môn	25/người/buổi	
	- Giám sát, trọng tài chính	40/người/buổi hoặc trận đấu	
	- Thư ký, trọng tài khác	30/người/buổi hoặc trận đấu	
	- Công an, Y tê, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên	25/người/buổi	
3	**Mức chi tiền thưởng:**		
3.1	**Đối với những môn thi đấu cá nhân:**		Đối với tiền thưởng từ nguồn thu xã hội hóa (không thuộc nguồn ngân sách nhà nước cấp), thì mức chi tiền thưởng theo thỏa thuận giữa Ban tổ chức giải với Đại diện nhà tài trợ
a	Giải vô địch cấp tỉnh:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	2,000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	1.000	
	Giải ba (Huy chương đồng)	700	
	Giải khuyến khích	500	
b	Giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào toàn tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp huyện:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	1.000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	700	
	Giải ba (Huy chương đồng)	500	
	Giải khuyến khích	300	
3.2	**Đối với các giải toàn đoàn:**		
a	Giải vô địch cấp tỉnh;		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	5,000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	3,000	
	Giải ba (Huy chương đồng)	2,000	
	Giải khuyến khích	1,000	

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
b	Giải trẻ cấp tỉnh; giải phong trào toàn tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp huyện:		
	Giải nhất (Huy chương vàng)	2,000	
	Giải nhì (Huy chương bạc)	1,500	
	Giải ba (Huy chương đồng)	1.000	
	Giải khuyến khích	800	
3.3	**Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đôi và đồng đội**	Bằng số lượng vận động viên lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng ở mục 3.1 Phụ lục này	
3.4	**Đối với những môn thể thao tập thể**	Bằng số lượng VĐV lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng ở mục 3.1 Phụ lục này.	
4	**Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội Thể dục Thể thao các cấp, Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh**		
4.1	**Chi bồi dưỡng cho đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ**		
a	Cấp tỉnh:		
	- Người tập:		
	+ Tập luyện	30/người/buổi	
	+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	40/người/buổi	
	+ Chính thức	70/người/buổi	
	- Giáo viên quản lý, hướng dẫn	60/người/buổi.	
b	Cấp huyện:		
	- Người tập:		
	+ Tập luyện	20/người/buổi	
	+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	25/người/buổi	
	+ Chính thức	50/người/buổi	
	- Giáo viên quản lý, hướng dẫn	50/người/buổi.	
4.2	**Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân)**	Mức chi theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc quy định nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.	

STT	Nội dung chi	Mức chi (đơn vị tính 1.000 đồng)	Ghi chú
5	**Các khoản chi cho in ấn, huy chương, cờ, cúp, trang phục, đạo cụ ..., phục vụ khai mạc, bế mạc (tùy theo quy mô, tính chất của giải)**	Mức chi phù hợp với nguồn thu và nguồn kinh phí được ngân sách cấp. Đồng thời, căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.	